

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



30 NĂM - RẠNG RỠ MAY SÔNG HỒNG
1988 - 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

+84 2283 649365

+84 2283 646737

105 Nguyễn Văn Thủ

Nam Định

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Các giải thưởng, thành tựu của công ty	5
4. Ngành nghề kinh doanh.....	6
5. Địa bàn kinh doanh.....	7
6. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.....	8
7. Định hướng phát triển.....	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018	14
1. Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh toàn công ty	14
2. Tổ chức và nhân sự.....	15
3. Tình hình tài chính.....	16
4. Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu.....	17
5. Quản lý nguồn nguyên liệu.....	18
6. Tiêu thụ năng lượng.....	18
7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	18
8. Chính sách liên quan đến người lao động.....	19
9. Hoạt động đào tạo người lao động.....	19
10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	19
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	20
1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tình hình tài chính.....	21
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
1. Hoạt động công ty.....	22
2. Hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc.....	22
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	22
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	23
1. Hội đồng quản trị.....	23
2. Ban kiểm soát	24
3. Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS.....	24
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	25

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:

Công ty cổ phần May Sông Hồng

Logo:



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

0600333307

Vốn điều lệ:

476.280.000.000 đồng

Vốn góp của chủ sở hữu:

476.280.000.000 đồng

Địa chỉ:

105 Nguyễn Đức Thuận, Nam Định, Tỉnh Nam Định

Số điện thoại:

+84 2283 649365

Số fax:

+84 2283 646737

Website:

<http://www.songhong.vn/>

Mã cổ phiếu

MSH



2. Quá trình hình thành và phát triển

Bước đầu hình thành

1988: Xưởng may Sông Hồng được thành lập với chỉ 100 nhân công.

1993: Đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.

1997: Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào và trở thành khu vực Sông Hồng II.

Chuyển mình và phát triển

- Năm 2001: Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.
- Năm 2004: Công ty được cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng.
- Năm 2006: Phát triển thêm khu vực Sông Hồng III tại quốc lộ 10, TP. Nam Định.
- Năm 2017: Công ty TNHH May mặc Sông Hồng, có chi nhánh đại diện đặt tại Hồng Kông.
- Năm 2008: Phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.
- Năm 2010: Triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng VII tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may.
- Năm 2013: Kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty.

Thành lập xưởng may 14 tại Hải Hậu.

- Năm 2015: Khởi công dự án nhà máy tại Nghĩa Hưng.
- Năm 2016: Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đi vào hoạt động.
- Năm 2018: Kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty.

Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE vào ngày 28/11.

Ổn định và tăng trưởng, hội nhập

3. Các giải thưởng, thành tựu của công ty

Năm 2006: Được cấp chứng chỉ ISO 9001 – 2000.

Đạt giải 3 giải thưởng trách nhiệm xã hội.

Năm 2007: Đạt danh hiệu nhà xuất khẩu uy tín do bộ công thương bình chọn.

Đạt danh hiệu doanh nghiệp tín nhiệm do đối tác Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển bình chọn.

Năm 2008: Sản phẩm Chăn ga gối đệm Sông Hồng tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

Năm 2009: Sản phẩm Chăn ga gối đệm Sông Hồng tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

Được bình chọn nằm trong Top 7 doanh nghiệp may mặc Việt Nam xuất sắc nhất năm 2009.

Được chứng nhận giải thưởng nhân ái Việt Nam.

Năm 2010: Sản phẩm Chăn ga gối đệm Sông Hồng tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

Sản phẩm Chăn Sông Hồng được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm tốt nhất năm 2010.

Đạt chứng chỉ WRAP.

Tháng 7/2013: Chủ tịch QH Nguyễn Sinh Hùng về thăm và làm việc tại Sông Hồng 7.

Tháng 8/2013: Di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối sang KCN Mỹ Trung – Nam Định.

Tháng 12/2014: Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

Năm 2015: Thực hiện 2 đợt phát hành tăng vốn.

Năm 2017: Thực hiện 1 đợt phát hành tăng vốn.

Năm 2018: Thực hiện 1 đợt phát hành tăng vốn.

Được bình chọn nằm trong Top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018.



SONG HONG

MAY SÔNG HỒNG

"Đối với chúng ta: Chỉ có những gì không thể làm được thì mới phải cam chịu, còn những gì có khả năng làm được mà không gắng sức làm tốt hơn, đẹp hơn thì mãi là điều hổ thẹn!"

4. Ngành nghề kinh doanh



* Sản xuất kinh doanh hàng may mặc và các loại vật tư, thiết bị hàng hóa phục vụ cho sản xuất công nghiệp và dệt may



ĐỆM BÔNG TINH KHIẾT

Thế hệ thứ hai

TINH HOA CỦA ĐỈNH CAO CHẤT LƯỢNG

* Kinh doanh các Sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh

(Chăn ga gối đệm)



ĐONGA home.vn

5. Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm may mặc

Sản phẩm may mặc của Công ty Cổ phần may Sông Hồng bao gồm hàng gia công và hàng xuất khẩu (FOB) trong đó hàng FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của công ty.

Thị trường sản phẩm may mặc của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada, Mexico và các nước Trung Đông. Đến nay, Sông Hồng đã trở thành nhà sản xuất đầy uy tín của các hãng thời trang nổi tiếng nhờ năng lực sản xuất vượt trội.



Chăn ga gối đệm

Sản phẩm chăn ga gối đệm của Công ty hiện tại được phân phối trên toàn quốc thông qua hệ thống kênh phân phối là các Đại lý với thương hiệu “Sông Hồng”.

6. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

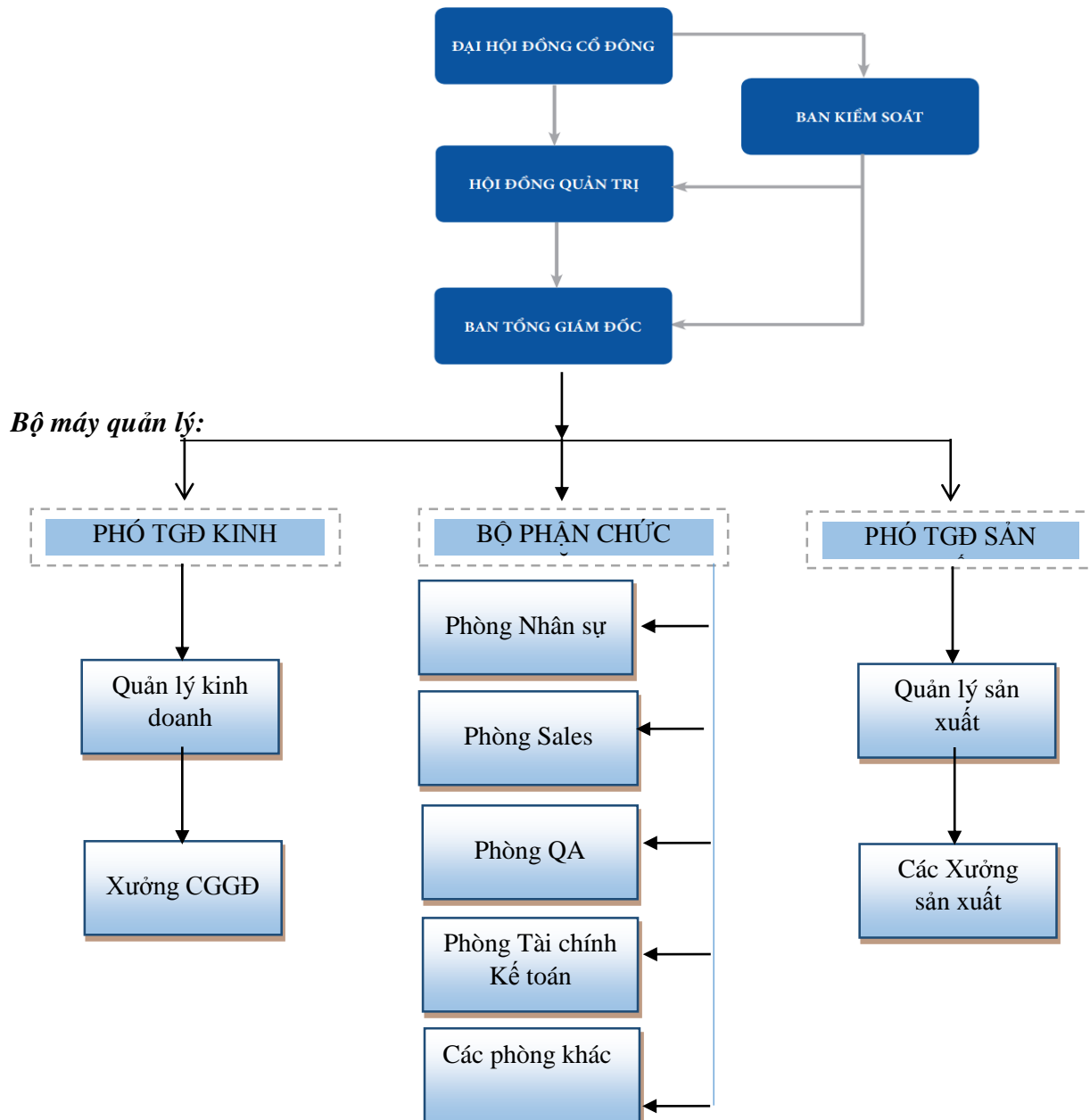
Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

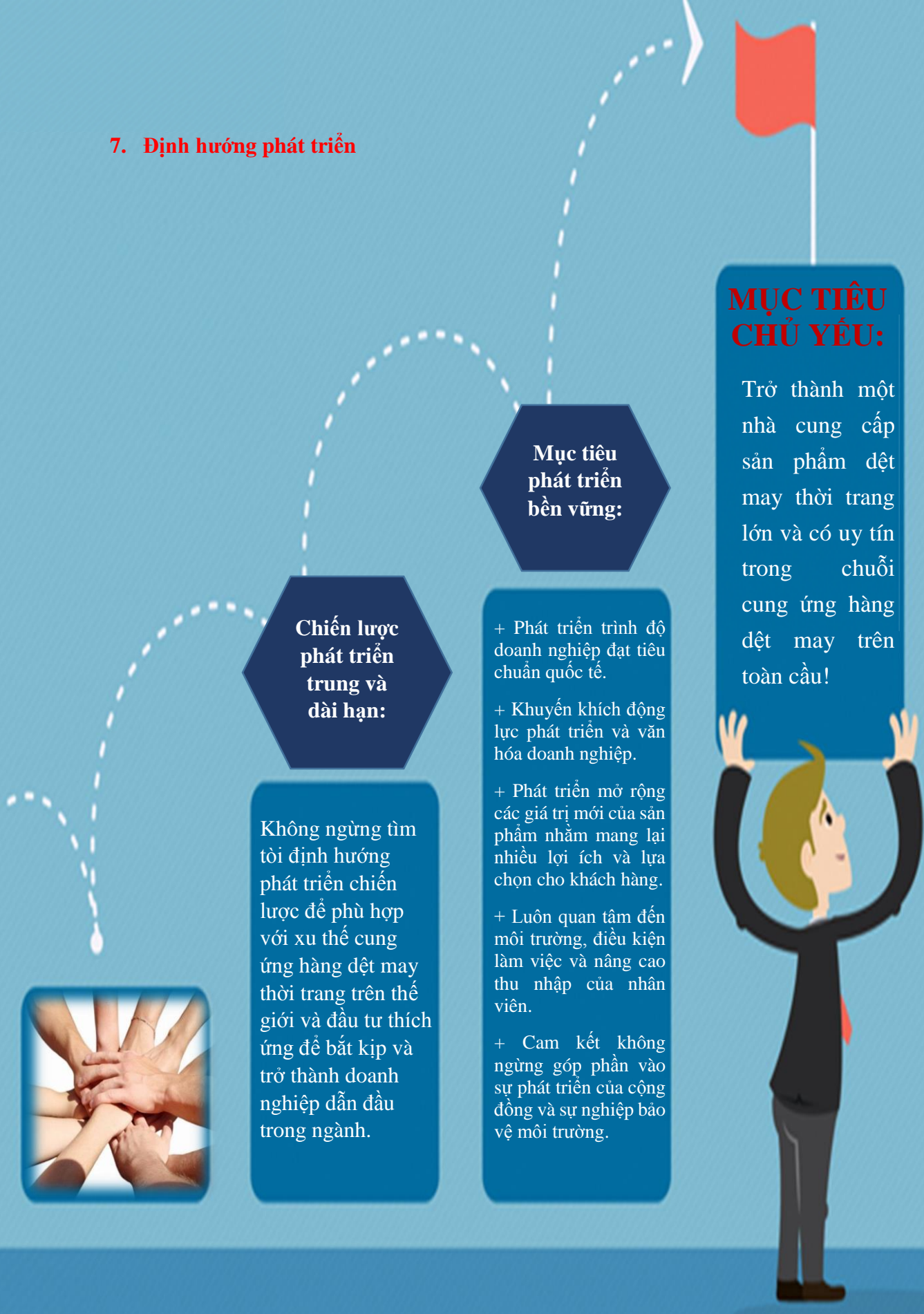
Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban Tổng Giám Đốc (BTGD): Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát (BKS): Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



7. Định hướng phát triển



A man in a dark suit and white shirt is balancing on a thin tightrope that stretches across the frame. He has his arms outstretched for balance. Below him, a cityscape with many skyscrapers is visible under a blue sky with light clouds. The title '8. Rủi Ro' is written in large, bold, red letters in the upper right quadrant of the image.

8. Rủi Ro

8.1. Rủi ro về kinh tế

Ngành dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng khá lớn từ tăng trưởng của nền kinh tế bởi nhu cầu may mặc phụ thuộc phần nhiều vào thu nhập của người tiêu dùng.

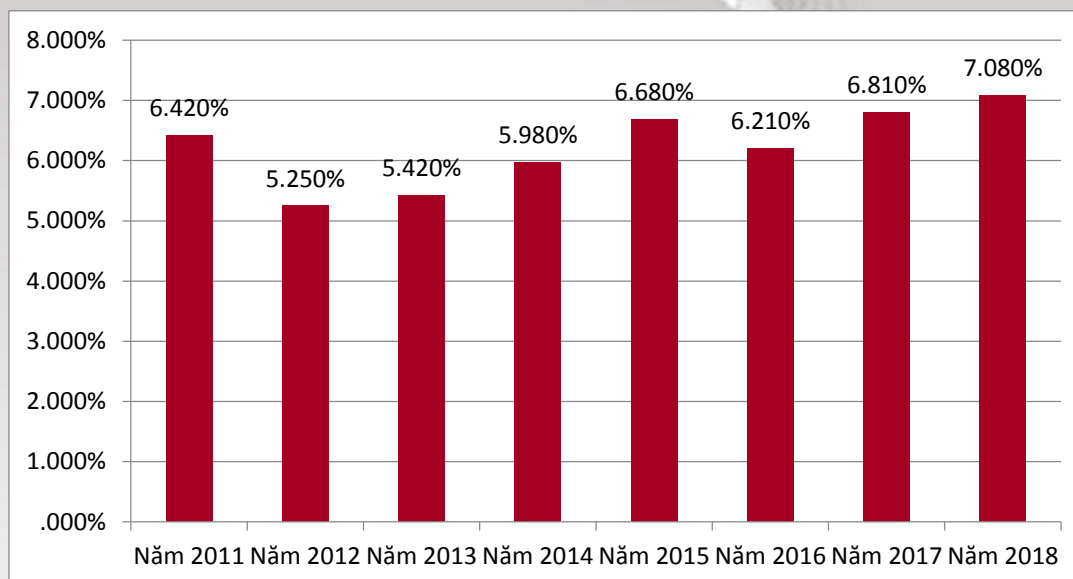
Tăng trưởng kinh tế thế giới đang có dấu hiệu chậm lại (tiêu biểu là tăng trưởng giảm tốc ở một số nền kinh tế chủ chốt như Mỹ và Trung Quốc) dẫn đến nhu cầu của người tiêu dùng cũng vì vậy mà suy giảm theo.

Căng thẳng và xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn tiếp tục leo thang và có diễn biến phức tạp khó lường khiến cho giá cả hàng hóa thế giới diễn biến phức tạp, nhìn chung có xu hướng gia tăng. Điều này gây bất lợi cho kế hoạch sản xuất và quản lý chi phí của các công ty nói chung.

Xu hướng bảo hộ thương mại vẫn có chiều hướng gia tăng, rủi ro ngày càng tăng trên thị trường tài chính toàn cầu trước những điều chỉnh chính sách tài chính, tiền tệ, cải cách thuế của các nền kinh tế lớn.

Ở Việt Nam: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của GDP Việt Nam năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6,7% và được coi là mức tăng trưởng cao nhất trong 8 năm trở lại đây. Lạm phát giữ ở mức cơ bản và tăng 1,48% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng nhanh kéo theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và khắt khe hơn đối với sản phẩm. Về lãi suất, để thực hiện sản xuất, ngoài vốn tự có và vốn huy động qua các hình thức phát hành chứng khoán, hầu hết các doanh nghiệp đều phải sử dụng đến nguồn vốn tín dụng của ngân hàng tuy nhiên việc vay vốn của ngân hàng không hoàn toàn dễ dàng cho các doanh nghiệp. Mặt khác, khi nền kinh tế xảy ra lạm phát cao, Nhà nước buộc phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất cho vay thì các doanh nghiệp lại càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động của doanh nghiệp.

Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

8.2. Rủi ro về tài chính

Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dệt may nói chung và May Sông Hồng nói riêng. Với một doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất xuất khẩu chiếm tỷ trọng không nhỏ như May Sông Hồng thì sự ổn định của tỷ giá là một yếu tố tối quan trọng đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Xu hướng tăng lãi suất, biến động khó lường trên thị trường tài chính – tiền tệ quốc tế tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Kinh tế Mỹ đang “nóng”, do đó Mỹ sẽ tiếp tục tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá tạo áp lực không nhỏ lên điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá của nước ta cũng như các kế hoạch tài chính, sản xuất kinh doanh của các công ty. Bên cạnh đó, áp lực này còn chịu tác động gián tiếp từ biến động phức tạp của đồng Nhân dân tệ trong bối cảnh kinh tế - chính trị hiện nay.

8.3. Rủi ro đặc thù ngành dệt may

+ Lao động:

Đặc thù của ngành dệt may là cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là khâu gia công hàng may mặc. Ngành dệt may nước nhà đang phải đối mặt với vấn đề làm thêm giờ và vấn đề chi phí lao động khi chi phí, tiền lương, phụ cấp nhân công Việt Nam đang ngày càng tăng lên. Điều đó đặc

biệt đúng với May Sông Hồng khi sản phẩm của Công ty hướng đến phân khúc tầm trung - cao cấp nên nhân lực chất lượng cao lại càng có vai trò quan trọng, việc duy trì, giữ chân nhân viên cũng như thu hút thêm nguồn nhân lực về cũng là một bài toán khó trong khi họ có thể bị thu hút bởi rất nhiều các công ty đối thủ hoặc các doanh nghiệp FDI đang ồ ạt đầu tư vào thị trường Việt Nam với trình độ khoa học kỹ thuật cao, thu nhập hấp dẫn.

Để giữ chân người lao động, May Sông Hồng đã nỗ lực nâng cao chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi đồng thời có sự đồng hành của tổ chức Công đoàn các cấp, công ty đã luôn luôn quan tâm, động viên, hỗ trợ nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ Nguyên vật liệu

Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam là nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đủ cung ứng hoặc không đáp ứng được chất lượng. Do vậy, bất kỳ biến động nào của giá nguyên liệu cũng tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông thường, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí của May Sông Hồng, do vậy tác động tương đối rõ rệt đến biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Trung Quốc cung cấp phần lớn số lượng bông, vải ra thế giới và Việt Nam là một trong số những nước nhập nhiều bông, vải của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc tăng thuế mặt hàng này, hoặc cực đoan hơn nữa, nếu Trung Quốc có kế hoạch hạn chế cung cấp cho những nước may mặc xuất khẩu, đặc biệt những nước có Mỹ là thị trường trọng điểm thì khó khăn trong việc quản lý chi phí đầu vào hoặc tìm nguồn thay thế là không tránh khỏi trong tình hình kinh tế, chính trị diễn biến khó lường như hiện nay đối với các doanh nghiệp dệt may nói chung và May Sông Hồng nói riêng.

+ Công nghệ:

Trong thời đại 4.0, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung và May Sông Hồng nói riêng phải chú trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ để bắt kịp xu thế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

8.4. Rủi ro luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Dệt may nói riêng. Đặc biệt, đây còn là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước nhà.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của May Sông Hồng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan,... Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, May Sông Hồng còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, bên cạnh sức ép cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp dệt may còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhãn mác sinh thái, bảo vệ môi trường,...

8.5. Những rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, chiến tranh, khủng bố,... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn công ty.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh toàn công ty

(ĐVT: VND)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/Giảm 2018 so với 2017
Tổng giá trị tài sản	2.380.599.642.269	2.520.977.249.460	140.377.607.191
Doanh thu thuần	3.281.886.259.862	3.950.826.716.000	668.940.456.138
Giá vốn	2.717.909.940.818	3.157.344.913.122	439.434.972.304
Chi phí bán hàng	151.002.843.819	147.605.857.785	(3.396.986.034)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	187.854.167.688	208.438.705.276	20.584.537.588
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	233.568.786.655	450.346.939.277	216.778.152.622
Lợi nhuận khác	(2.269.178.723)	(445.427.560)	1.823.751.163
Lợi nhuận trước thuế	231.299.607.932	449.901.511.717	218.601.903.785
Lợi nhuận sau thuế	200.386.460.183	369.826.068.561	169.439.608.378

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 – Công ty cổ phần may Sông Hồng)



2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách *Ban điều hành* tại ngày 31/12/2018:

Ông Bùi Đức Thịnh Chủ tịch HĐQT		
Ông Bùi Việt Quang TGD – Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Tường Phó TGD – Thành viên HĐQT	Bà Lê Hồng Yến Thành viên HĐQT
Ông Trần Chí Dũng Phó Tổng Giám đốc		

* Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2018: 10.496 người

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tất cả các CBCNV hiện đang làm việc trực tiếp tại các xưởng sản xuất quê ở xa, hiện đang nghỉ trọ tại thành phố (kể cả trọ nhà họ hàng, anh chị ...) đều được Công ty hỗ trợ kinh phí.
- CBCNV gia đình ở xa (cách Công ty 100 km trở lên) khi về quê nghỉ tết nguyên đán sẽ được nghỉ thêm một ngày so với lịch nghỉ tết của Công ty, ngày nghỉ đó vẫn được hưởng nguyên lương cấp bậc và được thanh toán tiền taxi xe đi về.
- CBCNV làm việc cố gắng nhiều năm trong Công ty sẽ được ưu đãi khi mua các sản phẩm của Công ty.

* *Các khoản đầu tư lớn*: Không có.

* *Công ty con, công ty liên kết*: Không có.



3. Tình hình tài chính

(ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.380.599.642.269	2.520.977.249.460	5,90%
Doanh thu thuần	3.281.886.259.862	3.950.826.716.000	20,38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	233.568.786.655	450.346.939.277	92,81%
Lợi nhuận khác	(2.269.178.723)	(445.427.560)	80,37%
Lợi nhuận trước thuế	231.299.607.932	449.901.511.717	94,51%
Lợi nhuận sau thuế	200.386.460.183	369.826.068.561	84,56%

Các chỉ tiêu khác

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,26	
Hệ số thanh toán nhanh	0,80	0,81	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,68	0,63	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,15	1,70	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,38	1,57	
Vòng quay hàng tồn kho	5,53	5,29	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,11%	9,36%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26,54%	43,79%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,42%	15,09%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,12%	11,40%	

4. Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

Cổ phần

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Bùi Đức Thịnh	10.300.440	21,63%
CTCP Chứng khoán FPT	6.480.000	13,61%
Bùi Việt Quang	5.198.760	10,92%
Nguyễn Thị Đào	3.699.132	7,77%
Cổ đông khác	21.949.668	46,09%
Tổng	47.628.000	100%

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Cá nhân	40.126.800	84,25%
Tổ chức	7.501.200	15,75%
Tổng	47.628.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2018, công ty thực hiện tăng vốn điều lệ với số lượng 23.814.000 cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.



5. Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất theo định mức được đề ra.

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất từ các nguồn sau:

- Khách hàng Gia công chuyển hàng.
- Khách hàng FOB + Chăn ga gói: mua trong nước và nước ngoài.

6. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chủ yếu là tiêu thụ điện năng do Công ty điện lực Nam Định và một phần từ than cám để đốt lò hơi.



7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một trong những mục tiêu phát triển bền vững: “Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường”, vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **0** lần.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: **0 VNĐ**



8. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tính đến 31/12/2018: 10.496 người



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tất cả các CBCNV hiện đang làm việc trực tiếp tại các xưởng sản xuất quê ở xa, hiện đang nghỉ trọ tại thành phố (kể cả trọ nhà họ hàng, anh chị ...) đều được Công ty hỗ trợ kinh phí.
- CBCNV gia đình ở xa (cách Công ty 100 km trở lên) khi về quê nghỉ tết nguyên đán sẽ được nghỉ thêm một ngày so với lịch nghỉ tết của Công ty, ngày nghỉ đó vẫn được hưởng nguyên lương cấp bậc và được thanh toán tiền tàu xe đi về.
- CBCNV có thâm niên công tác sẽ được ưu đãi khi mua các sản phẩm của Công ty.



9. Hoạt động đào tạo người lao động

Người lao động khi bắt đầu làm việc tại Công ty đều được đào tạo nghề theo đúng quy định được đặt ra nhằm đảm bảo tay nghề vững trước khi tham gia sản xuất.

10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tài trợ lắp đặt Tháp nước sạch cho Trường tiểu học B Xuân Ninh – Xuân Trường giúp cung cấp nước sạch cho trên 600 học sinh của trường và trên 600 hộ dân xung quanh.

Tặng quà cho các hộ nghèo tại 41 xã trong tỉnh Nam Định trong dịp Tết nguyên đán 2019.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Dệt may là một trong những ngành tăng trưởng mạnh của Việt Nam trong nhiều năm qua. Tiếp đà tăng trưởng năm 2017, năm 2018 có thể coi là năm hoàng kim của ngành khi kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may nước nhà tăng hơn năm trước 5 tỷ USD.

Doanh thu thuần của Công ty Cổ phần May Sông Hồng trong năm 2018 tăng 20,38% so với năm trước.

Cơ cấu doanh thu năm 2018

(ĐVT: VND)

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng hóa	2.419.735.823.123	73,72%	3.092.442.843.280	78,27%
Doanh thu từ dịch vụ gia công	862.715.624.214	26,28%	858.450.978.382	21,73%
Tổng	3.282.451.447.337	100%	3.950.893.821.662	100%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Chỉ Tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng doanh thu	3.500 tỷ	3.950 tỷ	112,86%
Lợi nhuận trước thuế	277 tỷ	449,9 tỷ	162,42%
Lợi nhuận sau thuế	230 tỷ	369,8 tỷ	160,78%

Kết quả thực hiện năm 2018 cho thấy Công ty hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đề ra về doanh thu, lợi nhuận trước thuế cũng như lợi nhuận sau thuế.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng và đảm bảo lớn hơn 1. Hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng tăng lên tuy nhiên chỉ ở mức 0,81, Công ty cần có những biện pháp dự phòng và kế hoạch trả nợ hợp lý để tránh rủi ro về khả năng thanh toán.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/ Tổng tài sản, hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu tiếp tục có xu hướng giảm trong năm 2018.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hệ số doanh thu trên tổng tài sản tăng lên và vòng quay hàng tồn kho giảm so với năm 2016.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng so với năm 2017. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng lên cho thấy Công ty đang hoạt động hiệu quả.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động công ty

- Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018 vào ngày 12/05/2018.
- Tổ chức các buổi họp HĐQT để nghe báo cáo tình hình điều hành sản xuất của Ban Tổng Giám đốc và đề ra phương hướng cho các giai đoạn tiếp theo.
- Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2018 ở mức 40%.
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1-1.
- Thông qua phương án chuyển dịch cơ cấu sản xuất cân đối giữa hàng FOB và CM.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng mà ĐHCĐ và HĐQT đưa ra.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Tiếp tục duy trì hoạt động theo mô hình sản xuất phân chia Khu vực.

Tìm kiếm các đối tượng khách hàng mới, đảm bảo sản xuất khi quy mô nhà xưởng ngày càng mở rộng.

Tiếp tục và mở rộng phát triển thị trường chăn ga gối đệm sang thị trường nước ngoài, không chỉ kinh doanh trong khu vực nội địa.

“ NỖ LỰC CỦA HÔM NAY
LÀ
THÀNH CÔNG CỦA NGÀY MAI ”



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên
Ông Bùi Việt Quang	Thành viên
Bà Lê Hồng Yến	Thành viên

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành năm 2018:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	12/HĐQT/2018	20/04/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua BC tài chính kiểm toán năm 2017, thông qua dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và dự thảo quy chế nội bộ về quản trị Công ty, thông qua điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018 vào ngày 12/5/2018.
2	14.5-2018/MSH	14/05/2018	Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
3	37/HĐQT/2018	15/08/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả SXKD và tình hình tài chính Quý II, 6 tháng đầu năm 2018, thông qua BCTC quý II/2018, thống nhất đầu tư xây dựng khu Nghĩa Phong, chuyển nhượng tài sản thuê lại đất 50 năm để di chuyển khu sản xuất SH3, hệ thống kho và mở rộng SX; thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP HCM trong quý III/2118.
4	5.10.7/NQ-HĐQT	04/10/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu.
5	29.11.1/HĐQT/2018	22/10/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua đổi đơn vị kiểm toán BCTC 2017, 2018.
6	29.11.1/HĐQT/2018	29/10/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua tạm ứng cổ tức năm 2018.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

2. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng Ban
Ông Triệu Công Trứ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty và các yêu cầu của chủ sở hữu. Nội dung cụ thể bao gồm:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/ quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Công ty được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng kinh doanh của Công ty.

3. Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc nhận được các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Thù lao Hội đồng quản trị	2.236.404.402	5.940.000.000
Lương và các khoản thưởng Ban Tổng Giám Đốc	2.236.404.402	3.484.714.979

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	5.150.220	21,63%	10.300.440	21,63%
2	Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT – TGD	2.599.380	10,92%	5.198.760	10,92%
3	Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT – GĐTC	538.040	2,26%	226.800	0,48%
4	Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT- Phó TGD	583.740	2,45%	567.480	1,19%
5	Triệu Công Trứ	Thành viên BKS	44.960	0,19%	89.920	0,19%
6	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên BKS	207.560	0,87%	35.120	0,07%
7	Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	167.040	0,71%	334.080	0,71%
8	Lê Văn Quang	KTT	211.020	0,89%	2.024	0,0043%

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: được thực hiện theo Điều lệ Công ty năm 2018.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


 CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Đức Thịnh

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số: 040 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần May Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019


Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1450-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.869.648.282.341	1.675.302.800.411
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	197.739.255.036	344.148.117.444
1. Tiền	111		197.739.255.036	60.281.308.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	283.866.809.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	484.689.500.000	302.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		484.689.500.000	302.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		512.278.520.514	487.330.439.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	488.961.340.664	451.843.118.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	27.858.863.749	18.715.088.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.817.394.914	17.214.319.109
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(10.359.078.813)	(442.086.558)
IV. Hàng tồn kho	140	10	661.038.904.204	533.521.654.096
1. Hàng tồn kho	141		678.695.995.846	550.146.838.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.657.091.642)	(16.625.184.312)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.902.102.587	8.302.589.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.679.651.790	2.429.767.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.881.669.047	3.992.553.159
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	340.781.750	1.880.268.755
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		651.328.967.119	705.296.841.858
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.760.816.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.760.816.000	-
II. Tài sản cố định	220		608.313.281.957	647.648.675.692
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	595.631.174.793	644.674.187.666
- Nguyên giá	222		1.320.470.996.276	1.255.921.954.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(724.839.821.483)	(611.247.767.064)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	12.682.107.164	2.974.488.026
- Nguyên giá	228		16.744.598.467	5.706.098.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.062.491.303)	(2.731.610.137)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.325.937.842	136.295.667
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.325.937.842	136.295.667
IV. Tài sản dài hạn khác	260		36.928.931.320	57.511.870.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.928.931.320	57.511.870.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.520.977.249.460	2.380.599.642.269

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.587.254.104.564	1.625.380.137.065
I. Nợ ngắn hạn	310		1.485.759.651.787	1.433.449.100.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	161.235.386.004	152.332.166.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	48.890.368.068	59.756.426.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	27.458.839.533	2.165.857.649
4. Phải trả người lao động	314		340.821.321.851	326.253.987.893
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	154.930.574.396	98.010.454.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	51.400.215.721	34.675.991.373
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	675.723.466.044	722.915.235.620
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.000.000.000	15.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.299.480.170	22.338.980.170
II. Nợ dài hạn	330		101.494.452.777	191.931.036.800
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	101.494.452.777	191.931.036.800
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		933.723.144.896	755.219.505.204
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	933.559.877.540	755.174.728.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		476.280.000.000	238.140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		476.280.000.000	238.140.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		183.792.535.504	123.676.597.449
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.972.416.636	1.972.416.636
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		271.443.925.400	391.314.714.671
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		92.129.856.839	190.928.254.488
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		179.314.068.561	200.386.460.183
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		71.000.000	71.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		163.267.356	44.776.448
1. Nguồn kinh phí	431		163.267.356	44.776.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.520.977.249.460	2.380.599.642.269



Qu

Qu

Lê Văn Quang
Người lập biểu
Nam Định, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.950.893.821.662	3.282.451.447.337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		67.105.662	565.187.475
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	3.950.826.716.000	3.281.886.259.862
4. Giá vốn hàng bán	11	23	3.157.344.913.122	2.717.909.940.818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		793.481.802.878	563.976.319.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	58.672.627.009	57.495.548.050
7. Chi phí tài chính	22	26	45.762.927.549	49.046.068.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	33.763.704.660	36.708.377.783
8. Chi phí bán hàng	25	27	147.605.857.785	151.002.843.819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	208.438.705.276	187.854.167.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		450.346.939.277	233.568.786.655
11. Thu nhập khác	31		315.023.041	477.445.203
12. Chi phí khác	32		760.450.601	2.746.623.926
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(445.427.560)	(2.269.178.723)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		449.901.511.717	231.299.607.932
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	80.075.443.156	30.913.147.749
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		369.826.068.561	200.386.460.183
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	10.232	8.415

Qu

Lê Văn Quang
Người lập biểu
Nam Định, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Qu

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	449.901.511.717	231.299.607.932
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	116.944.157.367	114.027.643.508
- Các khoản dự phòng	03	10.948.899.585	(2.019.988.908)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.053.049.609)	96.722.547
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(43.938.191.259)	(41.913.528.686)
- Chi phí lãi vay	06	33.763.704.660	36.708.377.783
- Các khoản điều chỉnh khác	07	118.490.908	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	557.685.523.369	338.198.834.176
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.389.829.209)	(68.300.766.320)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(128.549.157.438)	(117.278.832.956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	58.965.718.369	31.738.777.947
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	21.333.054.896	35.750.807.330
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.763.704.660)	(36.858.344.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(52.301.217.216)	(36.800.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.039.500.000)	(1.853.835.702)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	373.940.888.111	144.596.639.707
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các TSDH khác	21	(73.197.626.828)	(118.966.794.352)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các TSDH khác	22	93.080.366	4.604.973.176
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(780.689.500.000)	(960.331.809.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	598.000.000.000	1.177.311.809.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.829.096.288	41.988.063.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.964.950.174)	144.606.242.765
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	11.340.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.451.512.225.571	2.485.091.657.528
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.589.140.579.170)	(2.379.965.525.939)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(170.748.140.000)	(108.266.228.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(308.376.493.599)	8.199.903.564
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(146.400.555.662)	297.402.786.036
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	344.148.117.444	46.751.834.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.306.746)	(6.502.733)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	197.739.255.036	344.148.117.444

Qu

Qu



Lê Văn Quang
Người lập biểu
Nam Định, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị